

**Đề tài:**

## **PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CÁN CÂN**

### **THANH TOÁN QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 ĐẾN NAY**

#### ***I. Khái niệm:***

Cán cân thanh toán (Balance of Payment) của một quốc gia là một bản báo cáo thống kê tổng hợp có hệ thống, ghi chép tất cả các giao dịch kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm.

Cán cân thanh toán gồm 4 bộ phận chính: cán cân vãng lai, cán cân vốn, cán cân tổng thể, cán cân bù đắp chính thức.

#### ***II. Tình hình cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam từ 2001 đến nay:***

Bước sang thế kỷ 21, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến rất quan trọng, đặc biệt là vào 11/07/2006 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO, đã khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Điều đó làm nền kinh tế nước ta thay đổi đáng kể, vậy trước đó, từ năm 2001 đến 2006, nền kinh tế Việt Nam mà cụ thể là cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam như thế nào?

#### **1. Tình hình cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam từ 2001 đến 2006:**

Bảng thống kê sau thể hiện tình hình BOP của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2006:

**BẢNG I**

<b>USDmillion</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>
Cán cân thương mại	481	-1,054	-2,581	-3,854	-2,439	-2,776
Cán cân dịch vụ	-572	-749	-778	61	-219	-8
Cán Cân thu nhập	-477	-721	-811	-891	-1,219	-1,429
Chuyển nhượng ròng	1,250	1,921	2,239	3,093	3,380	4,049
Khu vực tư nhân	1,100	1,767	2,100	2,919	3,150	3,800
Khu vực nhà nước	150	154	139	174	230	249
<b>Cán cân vãng lai</b>	<b>682</b>	<b>-603</b>	<b>-1,931</b>	<b>-1,591</b>	<b>-497</b>	<b>-164</b>

Đầu tư trực tiếp nước ngoài	1,300	1,400	1,450	1,610	1,889	2,315
Khoản vay trung và dài hạn	139	-51	457	1,162	921	1,025
Khoản vay ngắn hạn	-22	7	26	-54	46	-30
Danh mục vốn đầu tư	-	-	-	-	865	1,313
Tài khoản tiền gửi	-1,197	624	1,372	35	-634	-1,535
<b>Tài khoản vốn</b>	<b>220</b>	<b>1,980</b>	<b>2,533</b>	<b>2,753</b>	<b>3,087</b>	<b>3,088</b>
Lỗi và sai sót	-862	-1,020	777	-279	-459	1,398
<b>Cán cân tổng thể</b>	<b>40</b>	<b>357</b>	<b>2,151</b>	<b>883</b>	<b>2,131</b>	<b>4,322</b>
<b>% GDP</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>

(nguồn IMF và GSO)

**1.1 Cán cân vãng lai:**

Bảng sau thể hiện “khả năng chịu đựng thâm hụt của cán cân vãng lai” giai đoạn 2001-2006:

**BẢNG II**

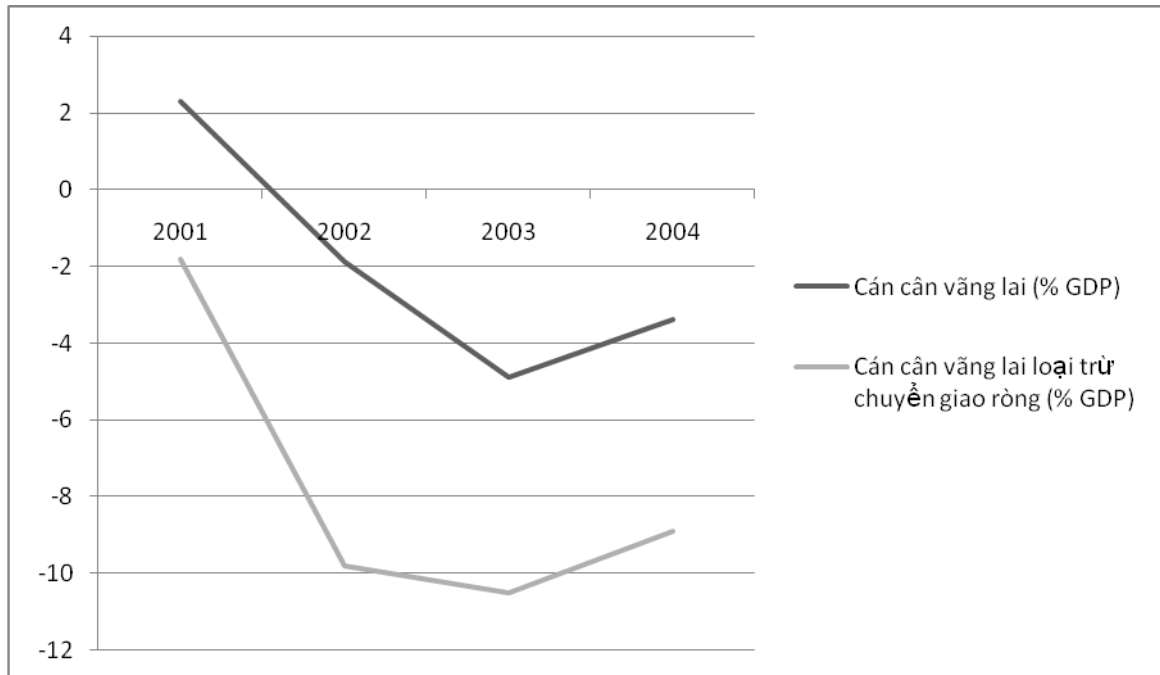
Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Cán cân vãng lai (% GDP)	2.3	-1.9	-4.9	-3.4	-0.9	-0.3
Cán cân vãng lai loại trừ chuyển giao ròng (% GDP)	-1.8	-9.8	-10.5	-8.9	-7.3	-6.9
Cán cân thương mại (% GDP)	1.9	-3	-6.5	-5	-4.6	-4.6
Xuất khẩu (% GDP)	46.2	47.7	50.9	58.2	61.2	65.2
Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài/xuất khẩu (%)	10.6	8.6	7.8	6.0	5.6	5.3
Nợ nước ngoài /GDP (%)	41.6	35	33.7	33.5	32.2	30.2
Nợ nước ngoài/xuất khẩu (%)	89.4	78.3	67.1	53	48.3	43
Dự trữ ngoại hối/nhập khẩu (%)	23.6	20.7	24.7	21.9	24.5	26.9
Dự trữ ngoại hối/ nợ nước ngoài (%)	26.3	28.2	41.5	41.3	50.8	62,6
Cán cân tiết kiệm đầu tư (%GDP)	2.2	-1.9	-4.9	-3.4	-0.9	-0.3
Dự trữ ngoại hối (triệu USD)	3387	3692	5619	6314	8557	11483
Nợ nước ngoài (triệu USD)	12874	13083	13535	15266	16833	18330

Nguồn: IMF Country Report, No 03/382, December, 2003.

IMF Country Report, No 07/338, December 2007.

Economist Intelligence Unit, Country Report Vietnam, May 2008

Thâm hụt cán cân vãng lai Việt Nam giai đoạn 2001-2006 ( % so với GDP):



Khả năng chịu đựng được của cán cân vãng lai “được định nghĩa nhằm hàm ý thể hiện tính bền vững của các nguồn tài trợ thâm hụt cán cân vãng lai trong điều kiện:

- Nhập khẩu tăng cùng với mức tăng của GDP thực.
- Không có sự sụt giảm các dòng thanh toán quốc tế bình thường
- Không có sự sụt giảm dự trữ ngoại hối

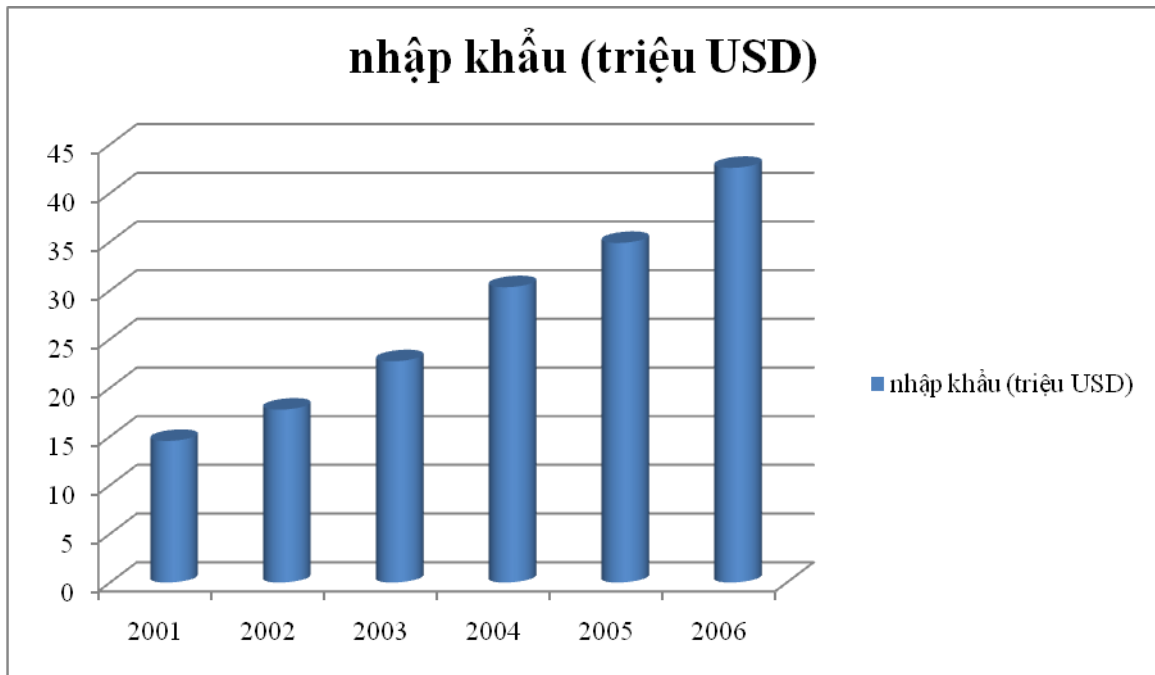
Thâm hụt cán cân vãng lai được coi là có khả năng chịu đựng được do được đánh giá trên những tiêu chí sau:

- Mức thâm hụt cán cân vãng lai/GDP giai đoạn 2001-2006 luôn ở mức thấp và giảm dần đến 2006 đạt con số ấn tượng 0.3%
- Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP của Việt Nam trong duy trì ở mức dưới 40% so với ngưỡng an toàn là 50%.
- Bên cạnh đó, các chỉ tiêu như nợ nước ngoài so với xuất khẩu, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài trên xuất khẩu luôn nằm ở mức an toàn (ngưỡng an toàn cho phép của nợ nước ngoài/xuất khẩu là 150, ngưỡng cho phép của nghĩa vụ trả nợ trên xuất khẩu là 25%.
- Tình trạng nhập siêu đã dần được cải thiện, không đáng lo ngại.

**1.2 Tình hình cụ thể của cán cân thương mại:**

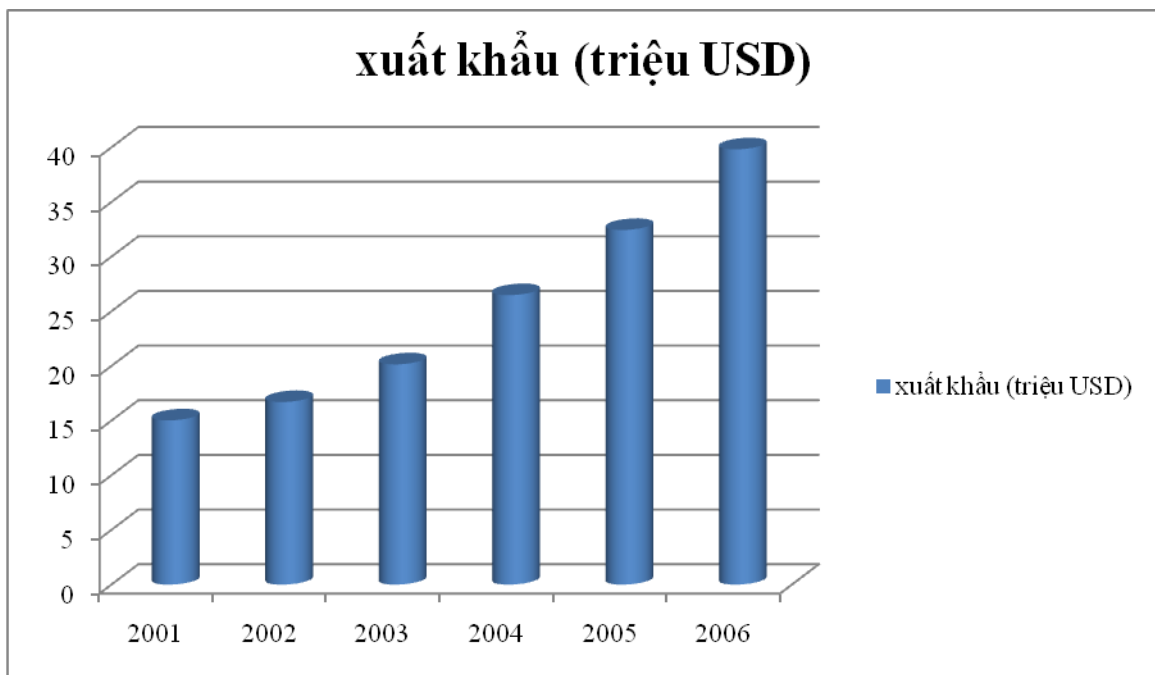
\*Tình hình nhập khẩu giai đoạn 2001 – 2006:

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Giá trị nhập khẩu (triệu USD)	14,546	17,760	22,730	30,339	34.886	42,602
Tốc độ tăng trưởng (%)	3,37	22,10	27,98	33,48	14,99	22,12



\*Tình hình xuất khẩu giai đoạn 2001 – 2006:

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	15,027	16,706	20,149	26,485	32,447	39,826
Tốc độ tăng trưởng (%)	4.01	11.17	20.61	31.45	22.51	22.74



Nhận xét:

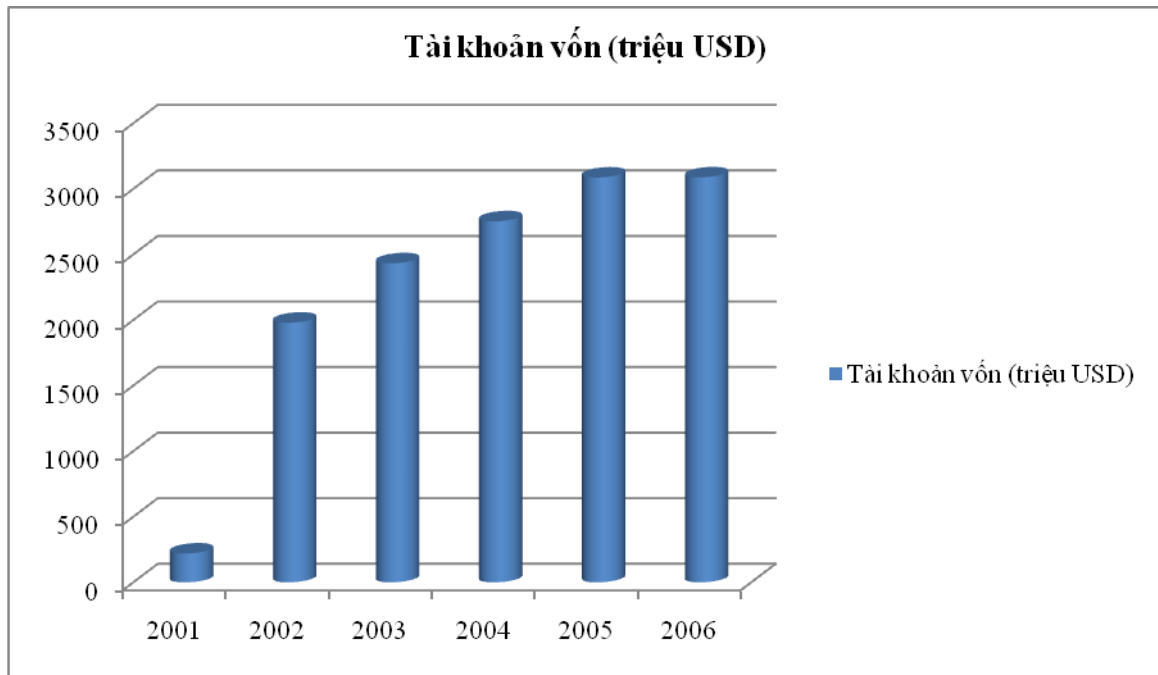
Việt Nam là quốc gia nhập siêu, hàng năm đều phải nhập về nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, trong khi lại xuất đi chủ yếu là nông phẩm và những mặt hàng có giá trị không cao nên tình trạng thâm hụt thương mại thường xuyên xảy ra. (Bảng II)

Nguyên nhân gây thâm hụt thương mại cán cân vãng lai là chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư. Cán cân dịch vụ, thu nhập đầu tư ròng trong thời gian qua đều có tác động tiêu cực đến cán cân vãng lai: cán cân dịch vụ thường xuyên thiếu hụt trong khoảng 200-800 triệu USD trong giai đoạn 2001-2006. Tuy nhiên, mức độ đóng góp vào thâm hụt cán cân vãng lai của hai nhân tố này đã giảm từ 59,4% năm 2002 xuống còn 34% năm 2006. Trong khi đó, thâm hụt thương mại ngày càng có xu hướng tăng, trong giai đoạn 2002-2006, thâm hụt thương mại bình quân khoảng 5% GDP, cán cân vãng lai năm 2005 chỉ chiếm 0,9% GDP, giảm mạnh so với mức thâm hụt 969 triệu USD (2,1% GDP) của năm 2004, chủ yếu do cán cân thương mại và dịch vụ được thu hẹp: kim ngạch xuất khẩu 32,447 triệu USD, tăng 22,51% so với năm 2004, trong khi chỉ tiêu đề ra là 30,7 triệu USD, đồng thời tiền tư nhân ( chủ yếu là chuyển tiền kiều hối) chuyển đạt 3 triệu USD tiếp tục duy trì thặng dư ở mức cao, tương đương mức thặng dư của cán cân vốn.

Tuy nhiên, ta thấy mức độ thâm hụt giảm dần theo từng năm, đặc biệt năm 2006 đạt con số ấn tượng 0.3% GDP. Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu và nhập khẩu tương đương nhau thậm chí tốc độ tăng trưởng xuất khẩu còn nhỉnh hơn tốc độ tăng trưởng nhập khẩu. Ngoài ra, năm 2005 chính phủ phát hành 750 triệu USD trái phiếu, thu về nguồn ngoại tệ tương đối lớn giúp giảm áp lực đáng kể lên cán cân vãng lai.

### 1.3 Cán cân vốn:

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
FDI	1300	1400	1450	1610	1899	2315
Nợ trung và dài hạn	139	-51	457	1162	921	1025
Nợ ngắn hạn	-22	7	26	-54	46	-30
Danh mục vốn đầu tư	-	-	-	-	865	1313
Tài khoản tiền gửi	-1197	642	1372	35	-634	-1535
Tài khoản vốn	220	1980	2533	2753	3087	3088



% GDP	2001	2002	2003	2004	2005	2006
FDI	4	4	3,7	3,5	3,6	3,8
Nợ trung và dài hạn	0,4	-0,1	1,2	2,6	1,7	1,7
Nợ ngắn hạn	-0,1	0	0,1	-0,1	0,1	0
Danh mục vốn đầu tư	-	-	-	-	1,6	2,2
Tài khoản tiền gửi	-3,7	1,8	3,5	0,1	-1,2	-2,5
Tài khoản vốn	0,7	5,6	6,4	6	5,8	5,1

Tài khoản vốn giai đoạn 2001-2006 luôn dương, luồng tiền đi vào trong nước ở các khoản mục nhìn chung có xu hướng tăng dần.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục gia tăng do môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện hơn, lợi thế về chi phí đầu tư, như chi phí lao động, giá điện đang cạnh tranh với các nước trong khu vực. Đặc biệt, việc tăng cường công tác xây dựng pháp luật trong thời gian qua theo yêu cầu của việc gia nhập WTO phù hợp với luật quốc tế Việt Nam thể hiện việc chấp nhận luật chơi chung. Đây là nguồn vốn quan trọng giúp phát triển nền kinh tế Việt Nam, tiềm năng thu hút vốn FDI còn có thể tăng nữa nếu như Việt Nam chú trọng hơn nữa tới việc thực hiện các dự án.

Nợ trung và dài hạn tuy chiếm tỉ trọng thấp trong GDP, trong đó có vốn việc trợ ODA đóng vai trò quan trọng, nguồn vốn này thường được dung trong các lĩnh vực đầu tư của nhà nước như cầu đường, giáo dục, y tế...

Nợ ngắn hạn và danh mục đầu tư chiếm tỉ trọng khá nhỏ trong tổng GDP. Tại Việt Nam chính là các dòng vốn gián tiếp đầu tư qua các Quỹ. Nhìn chung vốn ngắn hạn có chi phí cao và thường đi kèm với kỳ vọng mang lại lợi nhuận nhanh chóng. Nợ ngắn hạn biến động ít, thường xuyên quanh mức 0. Đó là dấu hiệu đáng mừng thể hiện tình trạng phát triển của kinh tế Việt Nam.

Về tài khoản tiền gửi, do hiện nay số lượng lao động tham gia xuất khẩu lao động nhiều, lương ngoại hối cũng theo đó tăng lên. Đây là một nguồn tiền quan trọng, đóng góp vào nguồn quỹ dự trữ quốc gia để điều hành tỉ giá. Đến 2 năm 2005, 2006 chúng ta thấy cán cân tài khoản tiền gửi của Việt Nam âm (-634 triệu USD và đến năm 2006 đột biến là -1353 triệu USD) điều này có thể giải thích do trong hai năm 2005, 2006 số lượng người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tăng lên.

#### **1.4 Về tỉ lệ dự trữ ngoại hối:**

Trong giai đoạn 2001-2006 dự trữ ngoại hối của Việt Nam theo thống kê của IMF như sau:

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Dự trữ ngoại hối (triệu USD)	3387	3692	5619	6314	8557	11483
TỐC ĐỘ TĂNG (%)	11,78	9,00	52,19	12,24	35,52	34,19

Theo thống đốc NHNN lúc bấy giờ, lượng dự trữ ngoại hối năm 2005 tăng đột biến, tốc độ tăng 35,52% tuy chưa phải mức tăng cao nhất trong giai đoạn nhưng lại đạt trên 10 tuần xuất khẩu, con số chưa từng có.

Nguyên nhân của việc tăng dự trữ ngoại hối bên cạnh việc gia tăng của tài khoản tiền gửi còn do các nguồn vốn đầu tư trung và dài hạn vào Việt Nam thông qua các kênh như ODA, FDI, FII,...

## **2. Tình hình cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam năm 2007 và 2008:**

### **2.1 Cán cân vãng lai:**

Nếu nhìn nhận cán cân vãng lai theo giao dịch cán cân vãng lai bao gồm các giao dịch về xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu nhập và chuyển tiền. Trước những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới, việc hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế mở rộng đã tác động tới cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam. Thâm hụt cán cân vãng lai tăng mạnh, vượt xa mức cảnh báo với mức tăng từ 0,27% GDP năm 2006 lên mức 9,8% GDP năm 2007 và tiếp tục gia tăng tới trên 20% GDP trong 6 tháng đầu năm 2008 do cán cân thương mại, dịch vụ, thu nhập đều thâm hụt, đặc biệt là sự mở rộng về thâm hụt cán cân thương mại từ mức 4,6% GDP năm 2006 lên mức 15% GDP trong năm 2007 và khoảng 30% trong 6 tháng đầu năm 2008.

#### **2.1.1 Cán cân thương mại:**

Trong cán cân vãng lai của Việt Nam, xuất khẩu hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu chi của cán cân vãng lai.

Tính chung cả năm 2008, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 62,9 tỷ USD, tăng 29,5% so với năm 2007, bao gồm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 34,9 tỷ USD, tăng 25,7%, đóng góp 49,7% vào mức tăng chung của xuất khẩu; khu vực kinh tế trong nước đạt 28 tỷ USD, tăng 34,7%, đóng góp 50,3%.

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu năm 2008 của các loại hàng hóa đều tăng so với năm 2007, chủ yếu do giá trên thị trường thế giới tăng. Xuất khẩu dầu thô ước tính đạt 13,9 triệu tấn, tương đương 10,5 tỷ USD, tuy giảm 7,7% về lượng nhưng tăng 23,1% về kim ngạch so với năm trước do giá dầu tăng cao trong những tháng giữa năm.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2008 ước tính đạt 5,4 tỷ USD. Tính chung cả năm 2008, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính 80,4 tỷ USD, tăng 28,3% so với năm 2007, bao gồm khu vực kinh tế trong nước đạt 51,8 tỷ USD, tăng 26,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 28,6 tỷ USD, tăng 31,7%. Nhập siêu năm 2008 ước tính 17,5 tỷ USD, tăng 24,1% so với năm 2007, bằng 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhập siêu đã giảm nhiều so với dự báo những tháng trước đây nhưng mức nhập siêu năm nay vẫn khá cao.

Thâm hụt thương mại năm 2008 là 17,5 tỷ USD.

#### 2.1.2 Cán cân dịch vụ :

Cùng với sự mở cửa nền kinh tế, các ngành kinh doanh dịch vụ phát triển mạnh mẽ nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng thu chi cán cân vãng lai. Tổng trị giá xuất khẩu dịch vụ năm 2008 ước tính đạt 7,1 tỷ USD, tăng 9,8% so với năm 2007, trong đó dịch vụ du lịch đạt 4 tỷ USD, tăng 7,2%; dịch vụ vận tải hàng không đạt 1,3 tỷ USD, tăng 23,7%; dịch vụ vận tải biển đạt 1 tỷ USD, tăng 27,7%. Tổng trị giá nhập khẩu dịch vụ năm 2008 ước tính đạt 7,9 tỷ USD, tăng 10,3% so với năm 2007, trong đó dịch vụ du lịch 1,3 tỷ USD, tăng 6,6%; dịch vụ vận tải hàng không 800 triệu USD, giảm 2,4%; dịch vụ hàng hải 300 triệu USD, tăng 20%.

Nhập siêu dịch vụ năm 2008 là 0,8 tỷ USD.

#### 2.1.3 Cán cân thu nhập:

Xuất phát từ nền kinh tế thiếu vốn, Việt Nam đã chú trọng việc thu hút vốn nước ngoài (chủ yếu dưới dạng đầu tư trực tiếp vốn nước ngoài và vay nợ nước ngoài)

Cán cân vãng lai tiếp tục được hỗ trợ bởi thặng dư lớn trong hạng mục chuyển tiền tư nhân, các nhà đầu tư trên thế giới tiếp tục tin tưởng vào sự phát triển kinh tế Việt Nam trong trung hạn, điều này phản ánh qua số vốn cam kết không ngừng tăng lên: Trong 8 tháng đầu năm, số vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt tới 47,15 tỷ USD, vốn thực hiện đạt khoảng 6 tỷ USD, tăng 32,1% so cùng kỳ, trong đó khoảng 80-90% là giải ngân của phía nước ngoài; Luồng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài năm 2007 tăng gấp 3



lần so với năm 2006, giá trị chứng khoán do nhà đầu tư nước ngoài mua vào nhiều hơn bán ra ở mức trên 6 tỷ USD.

#### 2.1.4 Nguyên nhân thâm hụt cán cân vãng lai:

Thâm hụt cán cân vãng lai gia tăng bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

- Thứ nhất, nhu cầu đầu tư và tiêu dùng gia tăng sau khi Việt Nam gia nhập WTO.
- Thứ hai, nhu cầu nhập khẩu cao nhờ được tài trợ bởi luồng vốn nước ngoài như nguồn vốn đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và các khoản vay nước ngoài.
- Thứ ba, giá cả hàng hoá quốc tế tăng cao, đặc biệt là giá các nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất đã khiến kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh.
- Thứ tư, nhập khẩu tăng mạnh và cao hơn nhiều so với xuất khẩu chứng tỏ khi thực hiện các cam kết đa phương trong WTO, giảm nhiều dòng thuế đã làm cho hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam, trong khi đó muốn tăng trưởng xuất khẩu lại cần có thời gian.
- Thứ năm, lạm phát trong nước cao hơn lạm phát của các đối tác thương mại, trong khi tỷ giá danh nghĩa giữa VND và USD và tỷ trọng thương mại của Việt Nam với các nước tương đối ổn định khiến VND lên giá thực, tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng thâm hụt thương mại nặng nề ở Việt Nam trong những năm qua là VND đã lên giá so với đồng tiền của các đối tác thương mại chủ yếu. Tỷ giá hiệu dụng thực của VND giảm trong giai đoạn 2000 - 2003 nhưng sau đó gần như tăng liên tục, làm cho nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.

Bên cạnh đó, tuy vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam ngày càng gia tăng, song khả năng cạnh tranh hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam còn thấp; tăng trưởng kinh tế dựa nhiều vào xuất khẩu; sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu hàng hoá của nước ngoài; thâm hụt cán cân vãng lai tăng mạnh bởi đầu tư đang vượt xa so với mức tiết kiệm hiện có của nền kinh tế; mặc dù thu hút vốn FDI mang lại nhiều lợi thế cho Việt Nam như tận dụng được lợi thế chuyên giao công nghệ và kỹ năng quản lý, nhưng vẫn có một số vấn đề đối với luồng vốn này; và hiệu quả sử dụng vốn thấp...

#### 2.1.5 Giải pháp:

Khai thác lợi thế so sánh để tăng kim ngạch xuất khẩu theo hướng tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản, hàng gia công, thủ công mỹ nghệ mang giá trị gia tăng cao; Tăng cường công tác dự báo thị trường, xu hướng diễn biến của giá cả hàng hoá, điều tiết lượng hàng xuất khẩu hợp lý để đảm bảo xuất khẩu hàng hoá với mức giá cao nhất có thể. Tăng cường hỗ trợ công tác xúc tiến thương mại, đa dạng hoá thị trường và mặt hàng xuất khẩu; Hạn chế những mặt hàng chưa thiết yếu để giảm nhập siêu; việc giảm nhập siêu được xem xét không những theo mặt hàng mà cần có chiến lược giảm nhập siêu đối với các đối tác thương mại lớn như Trung Quốc, Đài Loan; Đồng thời, phát triển các ngành dịch vụ theo hướng tăng thu xuất khẩu. Tiếp tục thu hút nguồn và sử dụng có hiệu quả nguồn kiều hối để cải thiện cán cân vãng lai, tránh tình trạng găm giữ ngoại tệ trong dân; để cải thiện cán cân vãng lai, cần tăng cường tiết kiệm quốc gia, giảm và nâng cao hiệu quả đầu tư của nền kinh tế; điều chỉnh cơ cấu luồng vốn theo hướng khuyến

khích luồng vốn trung dài hạn, giảm bớt luồng vốn ngắn hạn thông qua áp dụng các biện pháp lọc vốn để đảm bảo cơ cấu tài trợ cân cân vãng lai lành mạnh, không chứa đựng rủi ro rút vốn đột ngột; đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn FDI và ODA cho các dự án đầu tư hiệu quả.

### **2.2 Cán cân vốn:**

Kiều hối theo thống kê của NHNN năm 2008 đạt 8 tỷ USD, viện trợ chính thức không hoàn lại ước đạt 0,188 tỷ USD (theo số liệu chính thức từ Tổng cục thống kê ngày 23/9/2008).

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, trong năm 2008, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt mức kỷ lục 64 tỷ USD, gần gấp 3 lần năm 2007, trong đó 60,3 tỷ USD là vốn đầu tư đăng ký mới, 3,7 tỷ USD là vốn đăng ký tăng thêm. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm 54,1% tổng vốn đăng ký tương đương 32,6 tỷ USD; lĩnh vực dịch vụ 27,4 tỷ USD, chiếm 45,5%. Tuy nhiên con số trong khoản mục đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng thì chúng ta chỉ tính đến con số giải ngân thực tế.

Vay nợ dài và trung hạn năm 2008 ước đạt 1,227 tỷ USD

Vay nợ ngắn hạn năm 2008 là 0,261 tỷ USD

Đầu tư danh mục chứng khoán ròng năm 2008 là -1,82 tỷ USD,

Năm 2008 đầu tư danh mục chứng khoán ròng của các nhà đầu tư nước ngoài là -31.005 tỷ đồng. Trong đó danh mục trái phiếu bán ròng 37.383 tỷ đồng (-2,2 tỷ USD), danh mục trái phiếu mua ròng 6.378 tỷ đồng (+0,38 tỷ USD).

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2008 đạt mức thặng dư 0,16 tỷ USD đưa mức dự trữ ngoại hối cuối năm 2008 đạt 23,76 tỷ USD.

### **3. Tình hình cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2009:**

Thâm hụt cán cân thanh toán năm 2009 của Việt Nam không quá nghiêm trọng, dự báo thâm hụt cán cân thanh toán năm này chỉ khoảng 0.5 tỷ USD, đây là mức không lớn so với con số trên 24 tỷ USD dự trữ ngoại hối của NHNN hiện nay.

#### **3.1 Cán cân vãng lai:**

Trong nửa đầu năm 2009, cán cân vãng lai của Việt Nam đang âm 2,4 tỷ USD.

##### **3.1.1 Cán cân thương mại:**

Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm chỉ thâm hụt 2.1 tỷ USD, thấp hơn con số 13.77 tỷ USD của cùng kỳ năm trước, dự báo xuất khẩu năm 2009 sẽ giảm 15%, còn nhập khẩu giảm 23%, thâm hụt thương mại năm nay vào khoảng 8.4 tỷ USD.

6 tháng đầu năm 2009, kim ngạch hàng hoá xuất khẩu chỉ đạt 27,6 tỷ USD, giảm 10,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 14 tỷ USD, tăng 0,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13,6 tỷ USD, giảm 19%. Nếu loại trừ vàng tái xuất thì kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đạt 25,1 tỷ USD, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch hàng hoá xuất khẩu 6 tháng giảm chủ yếu do giá cả trên thị trường thế giới giảm sút và đứng ở mức thấp.

Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới nên kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm 2009 sang các thị trường chủ yếu đều giảm so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2009 ước tính đạt 29,7 tỷ USD, giảm 34,1% so với cùng kỳ năm 2008. Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu 6 tháng giảm do một số mặt hàng nhập khẩu giảm về lượng, nhưng chủ yếu là do giá trên thị trường thế giới giảm: Nhập siêu hàng hoá tháng 6/2009 ước tính 1,2 tỷ USD, thấp hơn mức nhập siêu 1,25 tỷ USD của tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2009 nhập siêu 2,1 tỷ USD, bằng 14,7% cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ vàng tái xuất của quý I thì nhập siêu hàng hoá 6 tháng là 4,6 tỷ USD, trong đó quý I nhập siêu 1 tỷ USD; quý II nhập siêu 3,6 tỷ USD.

### *3.1.2 Cán cân dịch vụ:*

Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2009 ước tính đạt 2737 triệu USD, giảm 25,7% so với cùng kỳ năm trước, Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 6 tháng ước tính đạt 3256 triệu USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm 2008.

Nhập siêu dịch vụ 6 tháng là 519 triệu USD, giảm 29,1% so với 6 tháng đầu năm 2008.

### *3.1.3 Cán cân thu nhập:*

Trong 6 tháng đầu năm 2009, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 4 tỷ USD, bằng 81,6% so với cùng kỳ năm 2008; trong đó vốn từ nước ngoài dự kiến 3,3 tỷ USD. So với mục tiêu giải ngân 8 tỷ USD năm 2009, trong 6 tháng đầu năm 2009 cả nước có 306 dự án mới được cấp GCNĐT với tổng vốn đăng ký 4,7 tỷ USD. Tuy chỉ bằng 13,3% so với cùng kỳ 2008. Trong 6 tháng đầu năm 2009, có 68 dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 4,1 tỷ USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2008. Tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong 6 tháng đầu năm 2009, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 8,87 tỷ USD, bằng 22,6% so với cùng kỳ 2008.

## **3.2 Cán cân vốn:**

Nếu tính cả tái xuất vàng, về phía cán cân vốn, dù được “hỗ trợ” của 3 tỷ USD giải ngân vốn FDI, nhưng cân đối vĩ mô này vẫn còn âm 1,15 tỷ USD, 6 tháng đầu năm, Việt Nam chỉ thu hút được gần 9 tỉ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài, bằng khoảng 1/5 so với cùng kỳ năm ngoái.

Đầu tư của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm cả về tỷ trọng và giá trị tuyệt đối. Vốn FDI giải ngân trong 6 tháng đầu năm 4 tỷ USD, giảm 18,4%, vốn FDI đăng ký giảm 77,4% so với cùng kỳ năm trước, dự báo FDI giải ngân năm nay sẽ giảm 30% so với năm 2008. Tức là số vốn giải ngân năm nay chỉ khoảng 8,2 tỷ USD. Giải ngân vốn ODA trong 6 tháng đầu năm tăng 1,27 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Bất chấp khó khăn của kinh tế thế giới, vốn ODA vào Việt Nam vẫn tăng và dự báo giải ngân có thể đạt 2,5 tỷ USD trong năm nay.

## **3.3 Biện pháp:**

**1 - Chính sách tỷ giá:** Trong thời gian qua, Chính phủ đã điều hành chính sách tỷ giá theo hướng tích cực: mở rộng biên độ dao động lên  $\pm 5\%$  và cho phép tỷ giá VND/USD biến động theo hướng phù hợp với thực trạng cung, cầu ngoại hối trên thị trường.

**2 - Chính sách hỗ trợ tín dụng xuất khẩu:** Nguồn kinh phí của gói kích cầu 1 tỷ USD cần được sử dụng đúng nơi, đúng chỗ nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu

**3 - Chính sách hỗ trợ chi phí xuất khẩu:** Hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu để giảm các loại chi phí liên quan tới xuất khẩu như chi phí tại cảng biển, sân bay và chi phí vận tải; giảm tối đa thủ tục hành chính gây phiền hà cho doanh nghiệp xuất - nhập khẩu

**4 - Đa dạng hóa cơ cấu thị trường xuất - nhập khẩu:** Cơ cấu thị trường xuất - nhập khẩu của nước ta cho thấy, thị trường xuất - nhập khẩu của Việt Nam tập trung cao độ vào một số thị trường trọng điểm đang chịu ảnh hưởng của cơn bão khủng hoảng tài chính thế giới. Do vậy, cần mở rộng thị trường mới.

**5 - Cải thiện cơ cấu mặt hàng xuất - nhập khẩu:** Việc cải thiện cơ cấu mặt hàng xuất - nhập khẩu không thể thực hiện trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất trong nước, đặc biệt là các sản phẩm xuất khẩu truyền thống, đồng thời tìm thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu mới

**6 - Khai thác thị trường trong nước:** Cần khai thác tối đa thị trường trong nước để giảm quy mô nhập khẩu, nhằm giảm mức độ phụ thuộc của Việt Nam vào các thị trường nguyên, nhiên, vật liệu đối với các nước trong khu vực

**7 - Chính sách thưởng xuất khẩu và giảm thuế cho các doanh nghiệp xuất khẩu:** Có cơ chế thưởng xuất khẩu xứng đáng, đồng thời giảm thuế thu nhập cho các doanh nghiệp xuất khẩu

**8 - Các chính sách tài khóa khác:** Để giảm tác động tiêu cực của suy giảm sản xuất xuất khẩu, đặc biệt là vấn đề công ăn việc làm và thu nhập cho công nhân sản xuất hàng xuất khẩu, Chính phủ cần nghiên cứu chế độ trợ cấp thất nghiệp cho công nhân của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất khẩu bị mất việc làm.

**9 - Chính sách tiền tệ:** Cần nới lỏng chính sách tiền tệ một cách từ từ, nhằm tạo thanh khoản và huy động nguồn lực cho chính sách tài khóa của Chính phủ .

### KẾT LUẬN

Mất cân đối cán cân thanh toán thể hiện ở cả cán cân vãng lai và tài khoản vốn. Tính đến hết 6 tháng đầu năm nay, cán cân thanh toán của Việt Nam đang đứng trước sức ép rất lớn từ khoản thâm hụt lên tới gần 3,6 tỷ USD này. Và tình hình dường như đang xấu hơn vì những dẫn chứng mà đại diện IMF tại Việt Nam đưa ra chưa tính đến khoản xấp xỉ 3 tỷ USD nhập siêu trong hai tháng gần đây (tháng 7 và tháng 8).

### **III. Cán cân thanh toán quốc tế của Trung Quốc hiện nay:**

Mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới nhưng Trung Quốc đã có những dấu hiệu phục hồi kinh tế một cách nhanh chóng.

Kinh tế Trung Quốc phục hồi nhanh chóng như thế là bắt nguồn từ 3 nỗ lực bao gồm các gói kích thích kinh tế, ngân hàng tự do cho vay chính phủ hỗ trợ xuất khẩu mạnh mẽ. Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc đã nỗ lực nói lỏng việc cho vay và hỗ trợ xuất khẩu.

Thậm chí Trung Quốc còn miễn giảm thuế và áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ đặc lực khác cho các nhà xuất khẩu. Các biện pháp hỗ trợ bao gồm đặt nhiều rào cản lên nhập khẩu và ngăn chặn sự can thiệp sâu sắc vào thị trường tiền tệ để giữ giá đồng nhân dân tệ, giúp xuất khẩu của Trung Quốc cạnh tranh thậm chí ngay trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị suy yếu.

Hơn thế nữa, ở các cấp chính quyền khác nhau, nhiều chính sách hỗ trợ cũng được áp dụng. Các số liệu thống kê cho thấy nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ giảm 14,2% trong 7 tháng đầu tiên trong năm nay trong khi nhập khẩu từ các quốc gia còn lại tăng tới 32,6%. Thặng dư thương mại của Trung Quốc vốn đứng đầu thế giới, đạt 108 tỷ USD cho 7 tháng đầu năm.

Hệ thống ngân hàng được vốn hoá tốt cũng cho phép đầu tư nhanh chóng. Tổng nợ tồn đọng của các định chế tài chính được bảo hiểm bởi FDIC đã giảm 249 tỷ USD, tức 3,2% trong nửa đầu năm nay.

Dự trữ ngoại hối trên 2.100 tỷ USD, thặng dư thương mại và thặng dư tài khoản vãng lai lớn, ngân sách quốc gia dồi dào chính là những đòn bẩy cho nền kinh tế và hệ thống tài chính Trung Quốc.

Quý 2/2009, thặng dư thương mại của Trung Quốc đạt 35 tỷ USD, thấp hơn 40% so với cùng kỳ năm trước. Thặng dư tài khoản vãng lai cũng sụt giảm, ước tính chỉ còn 6% GDP trong năm nay so với mức 11% GDP của năm 2007.

So với Trung Quốc nền kinh tế nước ta cũng đang phục hồi tuy nhiên vẫn chưa bằng Trung Quốc, bởi các lý do sau:

Trước hết, Việt Nam có cán cân thanh toán yếu hơn Trung Quốc và phải dựa vào các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp) mà hiện nay đang bị suy giảm, để duy trì mức tăng trưởng cao.

Thứ hai, Việt Nam công bố kế hoạch kích thích tài chính với giá trị tương đương 6 tỷ đô la Mỹ (100 nghìn tỉ đồng), hoặc 6,8% GDP. Song, tăng trưởng ở Việt Nam phục hồi sau giai đoạn tăng trưởng thấp kỷ lục trong thập kỷ vào quý 1-2009. Mức tăng trưởng GDP giảm còn 3,1% (so với cùng kỳ năm ngoái) trong quý 1. Nhờ chính sách kích thích phát huy được tác dụng, mức tăng trưởng đã đạt được mức 4,5% (so với cùng kỳ năm ngoái) trong quý 2.

Lạm phát lại tái diễn. Mặc dù tỷ lệ lạm phát giảm từ mức đỉnh điểm là 27,9% vào tháng 9/2008 xuống mức 2,0% và tháng 8 năm nay, nhưng áp lực về giá lại bắt đầu gia tăng. Khi lạm phát gia tăng, lãi suất thực sẽ giảm, làm gia tăng động lực cho cầu, bao gồm cả nhập khẩu.

Lĩnh vực xuất khẩu vẫn ở mức tăng trưởng chậm. Các lô hàng xuất cảng trong tháng 8 đã giảm 18,9% so với năm ngoái. Bên cạnh đó, nhập khẩu đã tăng trở lại trong tháng 8 - lần đầu tiên sau 10 tháng, tăng 5,1% so với năm ngoái.

Thứ ba, thâm hụt thương mại hàng tháng đáng kể lại xuất hiện. Từ chỗ thặng dư trong quý 1, cán cân thương mại đã xấu đi nhanh chóng khi nhập khẩu bắt đầu hồi phục trong khi xuất khẩu vẫn còn yếu. Ngược lại, cán cân thương mại và cán cân tài khoản vãng lai của Trung Quốc duy trì ở mức thặng dư ổn định.

Khi cán cân thương mại xấu đi, nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng rút bớt. Đây là sự xảy ra đồng thời đáng lo ngại. Việc giải ngân FDI giảm xuống còn 22,5% trong tháng 7 ở mức 4,6 tỉ đô la Mỹ; số vốn FDI cam kết năm nay cũng giảm xuống còn khoảng 80%, xuống mức 10,1 tỉ đô la Mỹ.

Thứ tư, mức nợ của các ngành kinh tế công so với GDP vào cuối năm 2008 ở mức 38% GDP (số liệu của Trung Quốc là 17%).

